

Số: 44/2021/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 01 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 652/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: chị Trần Thị Huỳnh N, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: anh Trương Tấn L, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị Huỳnh N với anh Trương Tấn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể N sau:

-Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Huỳnh N với anh Trương Tấn L thuận tình ly hôn.

-Về con chung: chị N và anh L thống nhất chị Trần Thị Huỳnh N sẽ là người trực tiếp nuôi con chung tên Trương Tấn T sinh ngày 03/7/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Tấn L được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng N mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị N và anh L thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung: chị N và anh L thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị N và anh L không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng chị N tự nguyện nộp Nng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004758 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho chị Trần Thị Huỳnh N 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã An Phước;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh